

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 1: phiếu tr. 01.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 2: phiếu tr. 02.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 3: phiếu tr. 03.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 4: phiếu tr. 04.

Chuẩn bị và cách học cho Bài 5: phiếu tr. 05.

Bài 1 · tr. 01 Nhận biết lít bằng bình một lít

Mục tiêu Nhận biết đơn vị lít qua bình chuẩn và lượng chứa.

Ví dụ Đổ nước đến vạch 1 l của ca chuẩn thì có 1 lít nước. Một bình có sức chứa đúng 1 lít khi đang rỗng thì chưa có nước trong bình.

Câu 1 · tr. 01 1 lít; hình cho bình sức chứa 1 l và mức nước đầy.

LT LT1 · tr. 01 Không. Ca rỗng có 0 l nước, ca đầy có 1 l; nhãn sức chứa không phải lượng nước hiện có.

Câu 2 · tr. 02 Không; sức chứa là 1 l, lượng nước đang có là 0 l.

Câu 3 · tr. 02 Đến đúng vạch 1 l; đọc một lít và viết 1 l. Thực hành với ca thật.

Câu 4 · tr. 02 Nhận đúng số lít trên nhãn; không coi bình nào cũng đang chứa đủ sức chứa. Kết quả theo bình thật.

Không dựa một bình cao hơn để nói chứa nhiều hơn khi bình khác bề ngang.

Không dùng hình màn hình để suy số lít nếu thiếu vạch hoặc nhãn.

Bài 2 · tr. 02 Đọc và viết số đo lít

Mục tiêu Đọc và viết số đo dung tích đến 1000 lít.

Ví dụ Thẻ 25 l đọc là hai mươi lăm lít. Kí hiệu l đứng sau phần số.

Câu 1 · tr. 03 Ba lít, hai mươi lít, một trăm linh/lẻ năm lít.

Câu 2 · tr. 03 50 l; 200 l.

Câu 3 · tr. 03 Bảy trăm năm mươi lít; đơn vị là l.

Câu 4 · tr. 03 1000 l; đang đọc, viết số đo nên không cần thực hiện đong một nghìn lít.

Chưa thêm ml hoặc số thập phân.

Chấp nhận kí hiệu l rõ ràng, không dùng nét chữ đẹp làm tiêu chí hiểu số đo.

Bài 3 · tr. 03 Dùng dụng cụ để đong

Mục tiêu Đong và kiểm đếm lượng nước bằng dụng cụ có vạch lít.

Ví dụ Đong đủ 1 l rồi đổ sang bình hai lần thì chuyển được 2 l, nếu không làm đổ và mỗi lần đều đầy đến vạch.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · nhiệm vụ 1 · tiếp tục

Câu 1 · tr. 03 Hai lần đủ 1 l nên chuyển 2 l; đối chiếu thao tác thật, không tính lần ca chưa đầy.

Câu 2 · tr. 04 Ba lần, mỗi lần 1 l; tổng 3 l. Nếu đổ ra ngoài phải ghi lại thay vì giả định đủ.

Câu 3 · tr. 04 $1 + 2 = 3$; có 3 l nếu bình đích đủ lớn và không mất nước.

Câu 4 · tr. 04 Không; điều chỉnh đến vạch 1 l rồi mới tính một lần đủ. Không cần gọi số đo phân số của phần nước đó.

Dùng vạch đã xác định, không ước lượng bằng chiều cao nước trong các bình khác dạng.

Không yêu cầu trẻ bê bình nặng; có thể dùng khay và người lớn hỗ trợ đổ.

Bài 4 · tr. 04 **Tính với các số đo lít**

Mục tiêu Giải một bước tính với số đo lít.

Ví dụ Có 5 l nước, dùng 2 l thì còn $5 - 2 = 3$ l.

Câu 1 · tr. 05 $12 + 15 = 27$; có 27 l.

Câu 2 · tr. 05 $40 - 10 = 30$; còn 30 l.

Câu 3 · tr. 05 $18 - 5 = 13$; B có 13 l.

Câu 4 · tr. 05 $300 + 200 = 500$; có 500 l.

Các số là dữ kiện của chuyện tập, không yêu cầu tự đo lường lớn.

Không đổi lít sang đơn vị ngoài mục tiêu.

Bài 5 · tr. 05 **Ước lượng rồi kiểm bằng đong**

Mục tiêu Ước lượng lượng chứa đơn giản, rồi dùng ca chuẩn để kiểm.

Ví dụ Nhìn một bình rỗng, em đoán chứa khoảng 2 l. Sau đó dùng ca 1 l đong để kiểm, giữ lại cả dự đoán và điều đo được.

Câu 1 · tr. 05 Có dự đoán trước, đếm đủ từng ca và đối chiếu bình thật; kết quả thay đổi theo bình.

Câu 2 · tr. 06 Kết luận theo lượng đong được, không chỉ theo chiều cao hoặc độ rộng của một mặt.

Câu 3 · tr. 06 Súc chứa lớn hơn 2 l; không kết luận đúng 3 l nếu chưa kiểm phần còn lại.

Câu 4 · tr. 06 Có dùng móc hoặc kinh nghiệm hợp lý, thực hiện kiểm và giữ kết quả tách riêng; không áp ngưỡng sai số bắt buộc.

LT LT1 · tr. 06 Đong hết nước và không còn dư nên bình có 4 l; dự đoán 3 l ít hơn kết quả thật 1 l.

Ước lượng không cần trùng số chính xác, nhưng phải dự đoán trước thao tác kiểm.

Nếu phần cuối chưa đầy ca, ghi phần dư bằng lời; chưa bắt viết phân số hay thập phân.